TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	171212862	Phạm Hữu	An	C17XCD	01/11/1991	9.0	Chín	
2	171216214	Thái Duy	Bảo	K17XCD	25/09/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
3	171216215	Võ Văn	Biên	K17XCD	24/12/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
4	151216089	Nguyễn Văn	Bình	K15XCD	01/07/1991	4.0	Bốn	
5	171216219	Nguyễn Văn	Cảnh	K17XCD	27/11/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
6	171216221	Nguyễn Thị	Châu	K17XCD	16/06/1992	8.0	Tám	
7	161216460	Nguyễn Thanh	Công	K16XCD	06/02/1992	3.8	Ba Phẩy Tám	
8	171219010	Lê Thành	Đạt	K17XCD	21/07/1993	DC	Đình Chỉ	
9	171216234	Ngô Tiến	Đạt	K17XCD	09/10/1993	6.0	Sáu	
10	171216238	Nguyễn Tiến	Đạt	K17XCD	07/01/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
11	161215101	Trần Đình	Diện	K16XCD	16/02/1992	8.5	Tám Phẩy Năm	
12	171216239	Nguyễn Vũ Hà	Đông	K17XCD	01/10/1993	8.0	Tám	
13	171216240	Cao Văn	Đức	K17XCD	15/07/1992	6.5	Sáu Phẩy Năm	
14	171216244	Lê Văn	Dũng	K17XCD	09/07/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
15	171216247	Trần Minh	Dương	K17XCD	11/09/1993	7.0	Bảy	
16	161217592	Phan Ngọc	Duy	K16XCD	15/07/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
17	171216250	Bùi Duy	Hà	K17XCD	30/11/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
18	171218831	Võ Minh	Hải	K17XCD	05/05/1992	6.0	Sáu	
19	171216252	Nguyễn Đức	Hạnh	K17XCD	11/08/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
20	171216254	Lê	Hiền	K17XCD	04/10/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
21	171213320	Trần Văn	Hiệp	C17XCDB	03/09/1989	8.0	Tám	
22	171218860	Nguyễn Văn	Hiếu	K17XCD	13/07/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
23	171216256	Trần Minh	Hiếu	K17XCD	14/08/1992	3.5	Ba Phẩy Năm	
24	171216258	Nguyễn Thái	Hoàng	K17XCD	24/03/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
25	171215005	Trần Y	Hoàng	K17XCD	12/06/1992	8.0	Tám	
26	171216264	Nguyễn	Hùng	K17XCD	01/01/1993	6.3	Sáu Phẩy Ba	
27	171216268	Hồ Thanh	Hùng	K17XCD	18/03/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
28	171216265	Lê Thanh	Hùng	K17XCD	04/02/1992	7.0	Bảy	
29	171216267	Nguyễn Văn	Hùng	K17XCD	23/05/1993	6.0	Sáu	
30	171216266	Trương Văn	Hùng	K17XCD	26/08/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
31	171216273	Nguyễn Văn Quốc	Huy	K17XCD	16/05/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
32	171218856	Lê Văn	Khánh	K17XCD	25/11/1993	6.0	Sáu	
33	171216280	Tô Văn	Lân	K17XCD	28/06/1993	7.0	Bảy	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
34	171216281	Nguyễn Duy	Linh	K17XCD	04/06/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
35	171216282	Trần Hữu	Lĩnh	K17XCD	26/01/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
36	171216286	Lê Quang	Long	K17XCD	04/09/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
37	171212880	Trần	Miên	C17XCD	30/01/1991	3.0	Ba	
38	171216289	Nguyễn Quang	Minh	K17XCD	10/08/1993	6.0	Sáu	
39	171216290	Phan Việt	Minh	K17XCD	01/03/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
40	161216888	Nguyễn Văn	Minh	K16XCD	20/06/1990	4.0	Bốn	
41	171218851	Lê Hữu Thiện	Mỹ	K17XCD	12/11/1993	6.8	Sáu Phẩy Tám	
42	171216292	Hoàng Thanh	Nam	K17XCD	24/01/1993	6.8	Sáu Phẩy Tám	
43	171216297	Nguyễn Đức	Ngọc	K17XCD	07/02/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
44	171216301	Phan Văn	Nhật	K17XCD	29/01/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
45	171216303	Dương Công	Pháp	K17XCD	01/04/1992	DC	Đình Chỉ	
46	171218835	Trần Tấn	Phi	K17XCD	08/07/1993	4.0	Bốn	
47	171216309	Nguyễn Hồng	Phong	K17XCD	20/08/1993	7.0	Bảy	
48	171216306	Đỗ Hồng	Phong	K17XCD	08/03/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
49	171216311	Nguyễn	Phú	K17XCD	16/11/1993	7.0	Bảy	
50	171218838	Nguyễn Thọ	Phú	K17XCD	12/09/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
51	171216315	Nguyễn Bá	Phước	K17XCD	01/11/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
52	171216317	Nguyễn Tùng	Quân	K17XCD	10/08/1992	7.0	Bảy	
53	171216318	Phạm Phú	Quang	K17XCD	14/04/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
54	171216321	Nguyễn Quang Phú	Quốc	K17XCD	21/12/1992	7.5	Bảy Phẩy Năm	
55	171216325	Cao Xuân	Quý	K17XCD	18/09/1993	3.0	Ba	
56	171216329	Trần Hữu	Sơn	K17XCD	23/08/1993	7.0	Bảy	
57	171213334	Nguyễn Quang	Tâm	C17XCDB	20/02/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
58	171213313	Hoàng Như Anh	Tân	C17XCDB	01/01/1990	7.0	Bảy	
59	171216334	Nguyễn Văn	Tấn	K17XCD	24/07/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
60	171216335	Ngô Đình	Tăng	K17XCD	20/10/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
61	171216339	Nguyễn Thị	Thắm	K17XCD	26/02/1993	8.5	Tám Phẩy Năm	
62	171216342	Nguyễn	Thắng	K17XCD	25/06/1993	6.0	Sáu	
63	171216343	Nguyễn Công	Thanh	K17XCD	10/05/1993	8.0	Tám	
64	171216349	Phạm Hữu	Thành	K17XCD	13/01/1993	7.0	Bảy	
65	171216345	Dương Hữu	Thành	K17XCD	09/11/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
66	171216351	Nguyễn Tuấn	Thạnh	K17XCD	28/01/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
NGÀNH : CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
67	171216354	Lê Phước	Thông	K17XCD	15/08/1993	7.0	Bảy	
68	161327399	Trương Quang	Thuận	K16XCD	24/06/1992	6.5	Sáu Phẩy Năm	
69	161217314	Trần Văn	Thương	K16XCD	30/11/1991	5.8	Năm Phẩy Tám	
70	171219016	Trà Văn	Thường	K17XCD	21/07/1993	5.5	Năm Phẩy Năm	
71	171216358	Lê Vĩnh	Toàn	K17XCD	09/09/1993	8.0	Tám	
72	171218832	Nguyễn Văn Ngọc	Toàn	K17XCD	16/08/1993	7.5	Bảy Phẩy Năm	
73	171216361	Nguyễn Thành	Tôn	K17XCD	20/04/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
74	171213348	Huỳnh Thị Thảo	Trang	C17XCDB	10/12/1990	6.5	Sáu Phẩy Năm	
75	171216362	Bùi Trung	Trực	K17XCD	24/11/1992	5.5	Năm Phẩy Năm	
76	171216363	Nguyễn Văn	Trung	K17XCD	03/09/1993	5.8	Năm Phẩy Tám	
77	171216369	Nguyễn Thành	Trung	K17XCD	20/09/1993	8.5	Tám Phẩy Năm	
78	171216365	Nguyễn Trần	Trung	K17XCD	12/12/1992	7.0	Bảy	
79	171216371	Phan Nhật	Trường	K17XCD	01/06/1993	8.0	Tám	
80	171216372	Lê	Trường	K17XCD	19/01/1993	6.0	Sáu	
81	171216378	Lưu Minh	Tuấn	K17XCD	30/04/1993	8.0	Tám	
82	171216377	Trương Đoàn Anh	Tuấn	K17XCD	10/03/1985	5.5	Năm Phẩy Năm	
83	171216375	Huỳnh Anh	Tuấn	K17XCD	27/03/1993	7.0	Bảy	
84	161212271	Bùi Quang	Tùng	C16XCDB	24/08/1990	4.0	Bốn	
85	171212888	Trần Võ Công	Tùng	C17XCD	10/06/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
86	171216385	Trần Quốc	Việt	K17XCD	28/10/1993	6.5	Sáu Phẩy Năm	
87	171216387	Trịnh Quang	Vĩnh	K17XCD	17/05/1993	6.8	Sáu Phẩy Tám	
88	171158729	Nguyễn Tuấn	Vũ	K17XCD	02/01/1993	6.0	Sáu	
89	161212273	Từ Hùng	Vũ	C16XCDB	04/05/1989	6.0	Sáu	

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 2014

LẬP BẢNG | **TRƯỞNG BAN THƯ KÝ** | **CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN**

TS. Nguyễn Phi Sơn | **TS. Võ Thanh Hải**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : XÂY DỰNG DD & CẦU ĐƯỜNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	152212643	Phan Tuấn	Anh	K15XDD	15/08/1991	V	Vắng	
2	152212740	Đặng Tuấn	Anh	K15XDD	26/02/1991	8.5	Tám Phẩy Năm	
3	152212015	Trần Hồng	Anh	K15XDD	28/06/1990	8.0	Tám	
4	142211178	Trương Văn	Bách	K14XDD	01/01/1986	8.0	Tám	
5	142211177	Nguyễn Văn Hoàng	Bách	K14XDD	26/07/1990	7.5	Bảy Phẩy Năm	
6	152212680	Hồ Chí	Bằng	K15XDD	04/06/1991	7.8	Bảy Phẩy Tám	
7	152212704	Nguyễn Văn	Bình	K15XDD	23/03/1991	8.3	Tám Phẩy Ba	
8	152212679	Lê Phan Thanh	Bình	K15XDD	15/01/1991	8.0	Tám	
9	152212637	Ngô Duy	Bình	K15XDD	01/08/1990	6.5	Sáu Phẩy Năm	
10	142211190	Ngô Ngọc	Chính	K14XDD	20/06/1989	4.0	Bốn	
11	152220301	Trần Hồ Quang	Chính	D15XDD	10/01/1986	5.5	Năm Phẩy Năm	
12	152212669	Đặng Minh	Chuân	K15XDD	10/01/1991	8.5	Tám Phẩy Năm	
13	142211191	Nguyễn Tấn	Chuẩn	K14XDD	02/04/1990	4.0	Bốn	
14	152212713	Nguyễn Khánh	Chung	K15XDD	01/09/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
15	152212657	Phạm Phú	Cường	K15XDD	26/12/1991	7.0	Bảy	
16	152215525	Nguyễn	Cường	K15XDD	20/09/1990	6.0	Sáu	
17	168211989	Nguyễn Cao	Cường	T16XDD	01/01/1985	5.5	Năm Phẩy Năm	
18	142211197	Bùi Quốc	Đạt	K14XDD	10/06/1990	4.0	Bốn	
19	152212706	Hoàng Đức	Đạt	K15XDD	14/04/1991	8.5	Tám Phẩy Năm	
20	152212644	Nguyễn Xuân	Đạt	K15XDD	07/01/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
21	112210234	Phan Thế	Điệp	K13XDD	31/01/1987	6.5	Sáu Phẩy Năm	
22	152212016	Nguyễn Duy	Đô	K15XDD	30/06/1989	6.5	Sáu Phẩy Năm	
23	152212688	Nguyễn Công	Đoàn	K15XDD	01/09/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
24	152212662	Trần Văn	Đức	K15XDD	19/06/1990	7.5	Bảy Phẩy Năm	
25	152212694	Lại Văn	Đức	K15XDD	09/03/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
26	168212736	Đặng Hồng	Đức	T16XDDB	12/02/1983	V	Vắng	
27	142332143	Nguyễn Thái	Dũng	K14XDD	12/08/1990	7.0	Bảy	
28	142211205	Nguyễn Công	Dũng	K15XDD	07/11/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
29	168212738	Phan Văn	Dũng	T16XDDB	04/10/1988	6.0	Sáu	
30	152212751	Lê Khắc	Dưỡng	K15XDD	30/06/1991	2.5	Hai Phẩy Năm	
31	152212627	Nguyễn Đắc	Duy	K15XDD	21/02/1991	7.0	Bảy	
32	152215524	Trần Long	Giang	K15XDD	07/09/1990	7.5	Bảy Phẩy Năm	
33	142210180	Mai Văn	Giáp	T14XDD	23/01/1985	5.5	Năm Phẩy Năm	
34	152212676	Lê Minh	Hải	K15XDD	05/03/1990	8.0	Tám	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : XÂY DỰNG DD & CẦU ĐƯỜNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
35	152212745	Nguyễn	Hải	K15XDD	10/10/1990	7.5	Bảy Phẩy Năm	
36	152212722	Phạm Thanh	Hải	K15XDD	22/08/1991	8.5	Tám Phẩy Năm	
37	152212707	Trần Đức	Hải	K15XDD	04/01/1991	7.0	Bảy	
38	152212630	Thái Minh	Hải	K15XDD	16/11/1991	6.0	Sáu	
39	168212740	Huỳnh Công	Hải	T16XDDB	29/12/1987	8.5	Tám Phẩy Năm	
40	168211996	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	T16XDDB	10/09/1984	9.0	Chín	
41	142211212	Lê Trung	Hiếu	K14XDD	25/01/1989	6.8	Sáu Phẩy Tám	
42	152222789	Ngô Đức	Hiếu	K15XDD	13/01/1991	8.0	Tám	
43	152212721	Nguyễn Đình	Hoàn	K15XDD	08/08/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
44	152212617	Nguyễn Trọng	Hoàng	K15XDD	20/01/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
45	168212742	Nguyễn Văn	Hoàng	T16XDDB	02/08/1986	7.5	Bảy Phẩy Năm	
46	168212744	Lê Văn	Huấn	T16XDDB	02/01/1984	7.0	Bảy	
47	152212678	Hoàng Anh	Hùng	K15XDD	22/05/1991	8.5	Tám Phẩy Năm	
48	152216199	Trần Hữu	Hùng	K15XDD	13/07/1991	8.0	Tám	
49	152212720	Lê Văn Tấn	Hùng	K15XDD	28/10/1991	7.8	Bảy Phẩy Tám	
50	142211221	Phạm Tấn	Hữu	K14XDD	22/10/1988	6.0	Sáu	
51	152212692	Phan Quốc	Huy	K15XDD	06/12/1990	7.3	Bảy Phẩy Ba	
52	152212675	Trương Thanh	Huy	K15XDD	28/07/1987	8.0	Tám	
53	152212727	Võ Huỳnh	Khải	K15XDD	20/03/1990	6.3	Sáu Phẩy Ba	
54	168212009	Nguyễn Văn	Khanh	T16XDD	20/04/1986	6.3	Sáu Phẩy Ba	
55	152212686	Lê Duy	Khánh	K15XDD	11/11/1991	8.3	Tám Phẩy Ba	
56	152212737	Trần Trung	Kiên	K15XDD	08/09/1991	8.0	Tám	
57	152212613	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	K15XDD	22/09/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
58	168212012	Nguyễn Lưu Đình	Kỳ	T16XDD	22/05/1988	7.0	Bảy	
59	152212741	Huỳnh Minh	Lâm	K15XDD	21/09/1990	7.5	Bảy Phẩy Năm	
60	152212013	Lê Vĩnh	Linh	K15XDD	18/12/1990	5.8	Năm Phẩy Tám	
61	152215827	Lê Tiến	Long	K15XDD	04/11/1988	7.3	Bảy Phẩy Ba	
62	152212691	Nguyễn Thanh	Long	K15XDD	04/03/1991	7.3	Bảy Phẩy Ba	
63	168212751	Nguyễn	Lực	T16XDDB	18/10/1988	7.5	Bảy Phẩy Năm	
64	152216071	Nguyễn Xuân	Lương	K15XDD	17/07/1991	7.0	Bảy	
65	152212738	Đào Đức	Mãnh	K15XDD	31/07/1991	8.3	Tám Phẩy Ba	
66	142210222	Trần Thế	Mãnh	T14XDD	16/03/1983	6.3	Sáu Phẩy Ba	
67	152313999	Phạm Hữu	Mạnh	K15XDD	09/11/1990	6.3	Sáu Phẩy Ba	
68	152215832	Hoàng Lê	Minh	K15XDD	06/08/1990	5.8	Năm Phẩy Tám	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : XÂY DỰNG DD & CẦU ĐƯỜNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
69	168212753	Phùng Văn	Minh	T16XDDB	02/10/1985	6.5	Sáu Phẩy Năm	
70	152212715	Võ Trung	Mỹ	K15XDD	15/06/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
71	152212649	Đoàn Hồng	Nam	K15XDD	02/02/1991	6.8	Sáu Phẩy Tám	
72	152212714	Nguyễn Minh	Nghi	K15XDD	07/06/1991	8.0	Tám	
73	152212753	Võ Văn	Nguyên	K15XDD	28/10/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
74	152212639	Ngô Minh	Nhân	K15XDD	09/08/1991	7.0	Bảy	
75	152212687	Hồ Đại	Nhân	K15XDD	11/05/1991	6.8	Sáu Phẩy Tám	
76	152212684	Hoàng Kim Danh	Nhân	K15XDD	30/10/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
77	152212736	Hồ Xuân	Pháp	K15XDD	28/09/1991	7.8	Bảy Phẩy Tám	
78	168212755	Phan Minh	Phú	T16XDDB	01/01/1985	6.0	Sáu	
79	132214522	Phạm Duy	Phước	K14XDD	13/06/1989	6.5	Sáu Phẩy Năm	
80	152212739	Lê Xuân	Phương	K15XDD	25/08/1991	7.0	Bảy	
81	152216196	Nguyễn Thị Thuỳ	Phương	K15XDD	14/09/1991	6.0	Sáu	
82	152212690	Hồ Minh	Phương	K15XDD	08/09/1990	8.0	Tám	
83	168212757	Phạm Văn	Quả	T16XDDB	26/11/1983	8.0	Tám	
84	111140293	Lê Bảo	Quốc	K14XDD	30/12/1986	5.5	Năm Phẩy Năm	
85	152212631	Huỳnh Thanh	Quốc	K15XDD	29/10/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
86	168212033	Võ Minh	Quốc	T16XDD	07/06/1980	5.5	Năm Phẩy Năm	
87	152212734	Hồ Hải	Quyền	K15XDD	14/06/1990	8.0	Tám	
88	152313941	Lê Xuân	Sang	K15XDD	16/02/1991	5.8	Năm Phẩy Tám	
89	152212618	Nguyễn Bá	Sinh	K15XDD	11/05/1991	5.8	Năm Phẩy Tám	
90	152215526	Đặng Thái	Sơn	K15XDD	20/11/1989	5.8	Năm Phẩy Tám	
91	152212664	Lương Trung	Sơn	K15XDD	24/02/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
92	168212759	Đoàn Ngọc	Tâm	T16XDDB	22/03/1988	3.5	Ba Phẩy Năm	
93	168212760	Nguyễn Minh	Tâm	T16XDDB	31/07/1983	6.3	Sáu Phẩy Ba	
94	168212761	Đặng Thanh	Tây	T16XDDB	22/04/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
95	142211269	Nguyễn Quang	Thái	K14XDD	24/06/1989	3.5	Ba Phẩy Năm	
96	168212762	Huỳnh Quốc	Thái	T16XDDB	12/01/1986	6.0	Sáu	
97	152212646	Hoàng Thế	Thăng	K15XDD	01/10/1989	6.5	Sáu Phẩy Năm	
98	132214556	Nguyễn Thọ	Thắng	K14XDD	08/02/1989	V	Vắng	
99	152212735	Chu Quyết	Thắng	K15XDD	13/11/1983	8.5	Tám Phẩy Năm	
100	152212696	Trịnh Ngọc	Thắng	K15XDD	09/10/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
101	168212764	Nguyễn Bá	Thanh	T16XDDB	15/07/1980	5.5	Năm Phẩy Năm	
102	132214563	Nguyễn Sỹ	Thành	K13XDD	06/07/1988	3.5	Ba Phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : XÂY DỰNG DD & CẦU ĐƯỜNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
103	152212668	Trần Văn	Thành	K15XDD	05/04/1991	7.3	Bảy Phẩy Ba	
104	168212043	Trầm Tài	Thành	T16XDD	29/09/1982	4.0	Bốn	
105	168212765	Nguyễn Hữu	Thành	T16XDDB	02/01/1987	6.0	Sáu	
106	152212616	Nguyễn Trung	Thi	K15XDD	30/11/1991	6.0	Sáu	
107	152212663	Nguyễn Minh	Thiện	K15XDD	12/09/1990	6.5	Sáu Phẩy Năm	
108	152211966	Nguyễn Đức	Thơm	T15XDDB	21/04/1987	6.0	Sáu	
109	152212747	Nguyễn Văn	Thông	K15XDD	10/03/1992	3.5	Ba Phẩy Năm	
110	152212701	Hoàng Văn	Thông	K15XDD	15/06/1991	8.0	Tám	
111	152212623	Lê Đức	Tiến	K15XDD	19/06/1990	4.0	Bốn	
112	152212730	Nguyễn Văn	Tiền	K15XDD	02/12/1982	5.5	Năm Phẩy Năm	
113	168212050	Nguyễn Công	Trỗi	T16XDD	17/08/1983	6.0	Sáu	
114	142251577	Trương Bảo	Trung	K14XDD	18/10/1990	3.5	Ba Phẩy Năm	
115	152212634	Nguyễn Văn	Trung	K15XDD	15/04/1991	7.0	Bảy	
116	142211303	Nguyễn Thanh	Tuấn	K14XDD	14/09/1990	8.0	Tám	
117	152212698	Lê Minh	Tuấn	K15XDD	01/04/1991	4.0	Bốn	
118	152173070	Võ Phi	Tuấn	K15XDD	20/06/1991	3.8	Ba Phẩy Tám	
119	168212768	Lê Mạnh	Tuấn	T16XDDB	20/06/1986	7.0	Bảy	
120	152212705	Trần Văn	Tùng	K15XDD	15/05/1991	7.0	Bảy	
121	142211305	Văn Đình	Tương	K14XDD	12/01/1990	6.0	Sáu	
122	152212708	Nguyễn Duy	Tưởng	K15XDD	02/07/1991	2.0	Hai	
123	152212719	Trần	Văn	K15XDD	08/01/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
124	152222777	Phạm Tấn	Vạn	K15XDD	20/09/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
125	152222784	Hoàng Quốc	Việt	K15XDD	25/08/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
126	152212724	Nguyễn Văn	Vinh	K15XDD	19/06/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
127	152215829	Trương Xuân	Vinh	K15XDD	20/10/1991	3.0	Ba	
128	152212014	Trương Văn	Vịnh	K15XDD	01/05/1991	7.0	Bảy	
129	152212660	Nguyễn Quốc	Vũ	K15XDD	12/11/1991	6.0	Sáu	
130	152212655	Hồ Hoàng	Vũ	K15XDD	11/07/1991	3.5	Ba Phẩy Năm	
131	168212060	Trần Quang	Vũ	T16XDD	10/12/1985	3.0	Ba	
132	168222769	Hồ Xuân	Anh	T16XDCB	07/10/1987	6.5	Sáu Phẩy Năm	
133	168222770	Trịnh Quang	Bộ	T16XDCB	10/01/1985	4.0	Bốn	
134	168222067	Nguyễn Phú	Châu	T16XDC	14/04/1986	5.5	Năm Phẩy Năm	
135	168222772	Bùi Lộng	Chương	T16XDCB	19/05/1986	7.0	Bảy	
136	152220370	Nguyễn Tấn	Cường	T15XDC	12/07/1985	V	Vắng	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : XÂY DỰNG DD & CẦU ĐƯỜNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
137	168222773	Phạm Văn	Đại	T16XDCB	11/04/1986	5.5	Năm Phẩy Năm	
138	152222765	Ngô Văn	Điểu	K15XDC	18/07/1991	8.0	Tám	
139	168222774	Trần Đình	Định	T16XDCB	02/07/1977	6.5	Sáu Phẩy Năm	
140	152222767	Nguyễn Đức	Doản	K15XDC	14/01/1991	7.0	Bảy	
141	168222775	Nguyễn Hòa	Đồng	T16XDCB	15/12/1987	8.0	Tám	
142	168222075	Trần Xuân	Đức	T16XDC	18/04/1985	8.5	Tám Phẩy Năm	
143	168222073	Trần Đình	Đức	T16XDC	09/12/1981	6.5	Sáu Phẩy Năm	
144	152222759	Phan Thanh	Dũng	K15XDC	22/07/1991	8.0	Tám	
145	152222788	Lê Văn	Dũng	K15XDC	26/04/1991	8.0	Tám	
146	152222757	Đỗ Văn	Hậu	K15XDC	09/05/1990	7.5	Bảy Phẩy Năm	
147	152222018	Nguyễn Đình	Hoàn	K15XDC	17/01/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
148	152222787	Lê	Hoàng	K15XDC	27/01/1991	7.0	Bảy	
149	152222796	Vũ Văn	Hợp	K15XDC	08/01/1989	6.0	Sáu	
150	152222792	Võ Mạnh	Hùng	K15XDC	10/06/1991	8.0	Tám	
151	168222777	Hồ Sỹ	Hùng	T16XDCB	29/02/1988	8.0	Tám	
152	152226328	Võ Đức	Huy	K15XDC	20/10/1991	6.0	Sáu	
153	152222780	Đinh Quốc	Huy	K15XDC	08/01/1991	3.5	Ba Phẩy Năm	
154	152225758	Nguyễn Tiến	Lộc	K15XDC	24/09/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
155	152225957	Lê Đức	Lợi	K15XDC	15/05/1991	6.5	Sáu Phẩy Năm	
156	168222096	Thái Văn	Lượng	T16XDC	10/12/1987	5.5	Năm Phẩy Năm	
157	142221356	Phan Minh	Phụng	K14XDC	12/08/1990	8.0	Tám	
158	152222781	Bùi Quang	Phương	K15XDC	20/06/1991	8.0	Tám	
159	152222786	Lê Hà	Phương	K15XDC	27/08/1991	8.0	Tám	
160	152222764	Lê Văn Thành	Tài	K15XDC	01/03/1991	7.0	Bảy	
161	152222762	Nguyễn Duy	Tân	K15XDC	25/03/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
162	142221361	Nguyễn Văn	Tân	K15XDC	28/02/1990	3.5	Ba Phẩy Năm	
163	168222782	Phạm Văn	Tặng	T16XDCB	08/08/1979	V	Vắng	
164	168222783	Mai Thanh	Thái	T16XDCB	10/10/1983	8.5	Tám Phẩy Năm	
165	168222784	Trần Công	Thắng	T16XDCB	17/05/1985	3.5	Ba Phẩy Năm	
166	168222785	Lê Tấn	Thanh	T16XDCB	20/05/1978	3.0	Ba	
167	142224798	Lê Văn	Thành	K15XDC	09/10/1990	5.5	Năm Phẩy Năm	
168	169222506	Nguyễn Văn	Thi	D16XDCB	28/11/1987	6.0	Sáu	
169	168222787	Lê Mậu	Thình	T16XDCB	22/10/1988	7.5	Bảy Phẩy Năm	
170	168222116	Nguyễn Hoàng	Thuyên	T16XDC	09/02/1988	6.0	Sáu	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 05/2014
CHUYÊN NGÀNH : XÂY DỰNG DD & CẦU ĐƯỜNG
MÔN THI : MÔN 3 (KHOA HỌC MÁC _LÊNIN & TTHCM)

Thời Gian: 8H00 - 18/05/2014

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
171	111150444	Đào Huy	Tín	K13XDC	01/12/1987	V	Vắng	
172	152222755	Lưu Văn	Trai	K15XDC	25/12/1990	0.0	Không	
173	152222768	Trần Thị Minh	Trân	K15XDC	31/12/1991	7.5	Bảy Phẩy Năm	
174	152226072	Lê Đức	Trường	K15XDC	01/10/1991	6.0	Sáu	
175	168222122	Trần Đình	Trường	T16XDC	08/07/1985	7.5	Bảy Phẩy Năm	
176	168222124	Mai Phước	Tự	T16XDC	22/05/1986	5.5	Năm Phẩy Năm	
177	152222798	Phan Anh	Tuân	K15XDC	08/06/1990	8.5	Tám Phẩy Năm	
178	152222770	Trương Văn	Tuần	K15XDC	19/08/1991	5.5	Năm Phẩy Năm	
179	168222790	Nguyễn Văn	Tuyền	T16XDCB	15/09/1985	6.0	Sáu	
180	132224768	Huỳnh Anh	Vinh	K13XDC	12/11/1988	3.5	Ba Phẩy Năm	
181	168222792	Võ Quang	Vinh	T16XDCB	16/05/1984	5.5	Năm Phẩy Năm	

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 05 năm 2014

LẬP BẢNG | **TRƯỞNG BAN THƯ KÝ** | **CT.HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN**

TS. Nguyễn Phi Sơn | **TS. Võ Thanh Hải**